# PHẦN VĂN BẢN KHÁC

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 857/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2011*

### QUYẾT ĐỊNH
### Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 101/2009/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về thí điểm thành lập, tổ chức, hoạt động và quản lý tập đoàn kinh tế nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 132/2005/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ về thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước và Nghị định số 86/2006/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chuyển Công ty mẹ - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam và thẩm định của Bộ Công thương,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Sinh Hùng**

# ĐIỀU LỆ
# TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Giải thích từ ngữ**

Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này có quy định khác, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam" (gọi tắt là Tập đoàn) là nhóm các công ty có tư cách pháp nhân độc lập, bao gồm:

a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp I);

b) Các đơn vị nghiên cứu khoa học, đào tạo;

c) Các công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (doanh nghiệp cấp II);

d) Các công ty con của doanh nghiệp cấp II và các cấp tiếp theo;

đ) Các doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn.

2. "Tập đoàn Điện lực Việt Nam" (gọi tắt là EVN) là công ty mẹ trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

3. "Doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam" (sau đây được gọi tắt là doanh nghiệp thành viên) là các doanh nghiệp do Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc công ty con các cấp tiếp theo trực tiếp nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoặc nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối; giữ quyền chi phối đối với doanh nghiệp đó.

4. "Doanh nghiệp liên kết của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam" (sau đây được gọi tắt là doanh nghiệp liên kết) là các doanh nghiệp có vốn góp dưới mức chi phối của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của doanh nghiệp thành viên; doanh nghiệp không có vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và của doanh nghiệp thành viên, tự nguyện tham gia liên kết dưới hình thức hợp đồng liên kết hoặc không có hợp đồng liên kết, nhưng có mối quan hệ gắn bó lâu dài về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc doanh nghiệp thành viên.

5. "Đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, bao gồm: các đơn vị sự nghiệp (các trường đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm), các đơn vị trực thuộc hoạt động kinh doanh, các

đơn vị trực thuộc không hoạt động kinh doanh và các đơn vị khác được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Danh sách các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục I Điều lệ này.

6. "Công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là các tổng công ty, các công ty hạch toán độc lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối hoặc nắm giữ quyền chi phối khác, được tổ chức dưới các hình thức: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (công ty TNHH một thành viên), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (công ty TNHH hai thành viên trở lên), công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài và các loại hình công ty khác theo quy định của pháp luật. Danh sách các công ty con tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục II Điều lệ này.

7. "Công ty liên kết của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là các công ty có cổ phần, vốn góp dưới mức chi phối của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chịu sự ràng buộc về quyền lợi, nghĩa vụ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Danh sách các công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ được nêu tại Phụ lục III Điều lệ này.

8. "Đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" bao gồm: các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết.

9. "Vốn điều lệ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là vốn do Nhà nước đầu tư và được ghi tại Điều lệ này.

10. "Cổ phần, vốn góp chi phối của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là cổ phần hoặc vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó hoặc một tỷ lệ khác theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của doanh nghiệp đó.

11. "Quyền chi phối của Tập đoàn Điện lực Việt Nam" là quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:

a) Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp;

b) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;

c) Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của doanh nghiệp;

d) Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;

đ) Các trường hợp chi phối khác theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Điện lực Việt Nam và doanh nghiệp bị chi phối và được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

12. "Người đại diện phần vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại công ty con, công ty liên kết" là người được Hội đồng thành viên Tập đoàn Điện lực Việt

Nam ủy quyền đại điện quản lý cổ phần hoặc phần vốn tại công ty con, công ty liên kết đó (sau đây được gọi tắt là "người đại diện").

13. Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó.

**Điều 2. Tên gọi, loại hình doanh nghiệp và trụ sở của Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

1. Tên gọi:

a) Tên gọi đầy đủ: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM;

b) Tên giao dịch: TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM;

c) Tên giao dịch quốc tế: VIETNAM ELECTRICITY;

d) Tên gọi tắt: EVN.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

3. Trụ sở chính: Số 18 phố Trần Nguyên Hãn, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

4. Điện thoại, fax, website:

a) Điện thoại: (+844) 2220 1371;

b) Fax: (+844) 2220 1369;

c) Website: www.evn.com.vn.

5. Biểu tượng logo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền.




**Điều 3. Hình thức pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam**

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (sau đây gọi là EVN) là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. EVN có tư cách pháp nhân theo pháp luật Việt Nam, có con dấu, nhãn hiệu, thương hiệu, được mở tài khoản tại các ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. EVN có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 148/2006/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

4. EVN có vốn và tài sản riêng, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ bằng toàn bộ tài sản của mình.

5. Các chức năng chủ yếu của EVN:

a) Tiến hành các hoạt động đầu tư, ký kết các hợp đồng với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài nhằm bảo đảm cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;

b) Trực tiếp kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật. Các quan hệ kinh tế giữa EVN với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết được thực hiện thông qua hợp đồng;

c) Đầu tư vào các công ty con, các công ty liên kết; chi phối các công ty con trên cơ sở tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

d) Thực hiện quyền và nghĩa vụ của đại diện chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước tại các công ty con, công ty liên kết;

đ) Thực hiện những công việc khác mà Nhà nước trực tiếp giao cho EVN tổ chức thực hiện;

e) Xây dựng và tổ chức thực hiện định hướng, kế hoạch phối hợp trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam theo nguyên tắc tổ chức quản lý, điều hành quy định tại Chương II của Điều lệ này.

**Điều 4. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh**

1. Mục tiêu hoạt động:

a) Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu nhà nước đầu tư tại EVN và vốn của EVN đầu tư vào các doanh nghiệp khác; hoàn thành các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao;

b) Giữ vai trò trung tâm để phát triển Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam đa sở hữu, trong đó sở hữu nhà nước là chi phối; có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó sản xuất, kinh doanh điện năng là ngành, nghề kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo; làm nòng cốt để ngành điện lực Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả;

c) Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. Ngành, nghề kinh doanh chính:

a) Sản xuất, truyền tải, phân phối và kinh doanh mua bán điện năng; chỉ huy điều hành hệ thống sản xuất, truyền tải, phân phối và phân bổ điện năng trong hệ thống điện quốc gia;

b) Xuất nhập khẩu điện năng;

c) Đầu tư và quản lý vốn đầu tư các dự án điện;

d) Quản lý, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; thí nghiệm điện.

3. Ngành, nghề kinh doanh có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính:

a) Xuất nhập khẩu nhiên liệu, nguyên vật liệu, vật tư thiết bị ngành điện;

b) Xây lắp, giám sát lắp đặt thiết bị nhà máy điện, thiết bị đường dây và trạm biến áp, thiết bị viễn thông - công nghệ thông tin; sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu cách điện, trang bị bảo hộ lao động;

c) Đầu tư kinh doanh viễn thông công cộng, cơ khí điện lực;

d) Tư vấn quản lý dự án; tư vấn lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, lập dự toán và giám sát thi công công trình nhà máy điện, các công trình đường dây và trạm biến áp, công trình viễn thông - công nghệ thông tin, các công trình công nghiệp và dân dụng;

đ) Đầu tư tài chính và kinh doanh vốn mà Nhà nước giao cho EVN;

e) Đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác đào tạo lao động với nước ngoài.

4. Ngành, nghề kinh doanh khác:

Kinh doanh khách sạn, du lịch. Truyền thông, quảng cáo, thông tin đại chúng. Đầu tư, kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp.

5. Ngành, nghề kinh doanh tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này là ngành, nghề EVN trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại thời điểm phê duyệt Điều lệ. Bộ Công thương, EVN rà soát lại ngành, nghề kinh doanh của EVN để tập trung vào ngành, nghề kinh doanh chính, trình Thủ tướng Chính phủ.

**Điều 5. Vốn điều lệ của EVN**

1. Vốn điều lệ của EVN tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2010 là 76.742 tỷ đồng (bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi hai tỷ đồng).

2. Khi được tăng vốn điều lệ, EVN phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

**Điều 6. Chủ sở hữu và đại diện chủ sở hữu của EVN**

Nhà nước là chủ sở hữu của EVN. Chính phủ thống nhất tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với EVN.

**Điều 7. Đại diện theo pháp luật của EVN**

Tổng Giám đốc EVN là người đại diện theo pháp luật của EVN.

**Điều 8. Quản lý nhà nước đối với EVN**

EVN chịu sự quản lý nhà nước của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

**Điều 9. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong EVN**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong EVN hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong EVN hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. EVN tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của các tổ chức đó.

## Chương II
## QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC QUỐC GIA VIỆT NAM

**Điều 10. Nguyên tắc tổ chức quản lý, điều hành Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam**

1. Quản lý, điều hành Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam được thực hiện thông qua EVN.

2. EVN đại diện cho Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam thực hiện các hoạt động chung trong quan hệ với bên thứ ba trong và ngoài nước hoặc các hoạt động khác nhân danh Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên và quy định của pháp luật có liên quan.

3. EVN sử dụng quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu vốn tại các doanh nghiệp thành viên và quyền của cổ đông, thành viên để phối hợp, định hướng hoạt động của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam:

a) Sử dụng bộ máy quản lý, điều hành tại EVN để nghiên cứu, hoạch định chiến lược, đề xuất giải pháp phối hợp, định hướng các hoạt động quy định tại Khoản 4 Điều này để trình Hội đồng thành viên EVN thông qua; thông qua người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết thực hiện các nội dung phối hợp, định hướng quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Thông qua việc thực hiện các hợp đồng liên kết cùng các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết để phối hợp, định hướng hoạt động của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

c) Xây dựng các quy chế thống nhất trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

4. Nội dung phối hợp, định hướng của EVN bao gồm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; định hướng chiến lược kinh doanh các công ty con theo chiến lược phát triển, kế hoạch phối hợp kinh doanh chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; xây dựng và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý, điều hành và tiêu chuẩn, định mức áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

b) Phân loại doanh nghiệp thành viên theo vị trí và tầm quan trọng trong chiến lược phát triển chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; xác định danh mục ngành, nghề kinh doanh chính, danh mục doanh nghiệp thành viên chủ chốt; định hướng doanh nghiệp thành viên theo ngành, nghề kinh doanh chính; quản lý và định hướng người đại diện đảm bảo quyền chi phối của EVN tại các doanh nghiệp chủ chốt;

c) Định hướng kế hoạch sản xuất, kinh doanh trung hạn, dài hạn của các doanh nghiệp thành viên;

d) Định hướng về mục tiêu hoạt động, đầu tư, các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh; phân công, chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thị trường, xuất khẩu, sử dụng thương hiệu, dịch vụ thông tin, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác của các doanh nghiệp thành viên theo chính sách chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

đ) Xây dựng và thực hiện quy chế quản lý thương hiệu EVN; định hướng về thành tố chung trong tên gọi riêng của các doanh nghiệp thành viên;

e) Định hướng về tổ chức, cán bộ đối với các công ty con;

g) Định hướng nội dung Điều lệ, kiểm soát cơ cấu vốn điều lệ của công ty con;

h) Cử người đại diện theo ủy quyền tham gia quản lý, điều hành ở công ty con. Ban hành và thực hiện quy chế cử, thay thế, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện theo ủy quyền; quy định những vấn đề phải được EVN thông qua trước khi người đại diện theo ủy quyền quyết định hoặc tham gia quyết định tại các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết;

i) Làm đầu mối tập hợp các nguồn lực (tài chính, nhân lực, công nghệ) của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết bao gồm:

- Các tổng công ty phát điện, công ty phát điện, Tổng công ty truyền tải điện Quốc gia để triển khai thực hiện các dự án nguồn điện, lưới điện truyền tải theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các dự án đầu tư khác; phối hợp thực hiện sản xuất và kinh doanh điện năng;

- Các tổng công ty điện lực, viễn thông điện lực, cơ khí điện lực để phối hợp thực hiện phát triển hệ thống phân phối điện, hệ thống truyền dẫn viễn thông và dịch vụ viễn thông công cộng;

- Tổ chức thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh và an toàn hệ thống điện quốc gia; quản lý hệ thống điện quốc gia và hệ thống truyền dẫn viễn thông điện lực;

- Thực hiện đấu thầu và triển khai thực hiện các dự án chung do các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết cùng thỏa thuận và thực hiện.

k) Thực hiện và cung cấp dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, tiếp thị, xúc tiến thương mại và các dịch vụ khác cho các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết;

l) Phối hợp hình thành, quản lý và sử dụng có hiệu quả các quỹ chung; giám sát tài chính và kiểm soát rủi ro; hỗ trợ hoạt động tài chính cho các doanh nghiệp thành viên khi được các doanh nghiệp này đề nghị;

m) Phối hợp thực hiện các công việc hành chính, các giao dịch với các đối tác cho các doanh nghiệp thành viên khi được các doanh nghiệp này đề nghị; thực hiện nhiệm vụ công ích và các công việc do Nhà nước giao cho Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

n) Thiết lập, kết nối mạng lưới thông tin toàn bộ các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết;

o) Xây dựng báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của EVN;

p) Tham vấn các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết trong thực hiện các hoạt động chung;

q) Tổ chức việc thực hiện giám sát định hướng, điều hòa, phối hợp giữa các bộ phận trong EVN;

r) Các hoạt động khác phù hợp với quy định pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết.

5. EVN và các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết có các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định pháp luật; tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp mình; chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng liên kết, thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

6. Việc phối hợp, định hướng trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam phải phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ của các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết; quyền của chủ sở hữu tại EVN hoặc thỏa thuận giữa EVN với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết; vị trí của EVN với từng hoạt động phối hợp với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết.

Trường hợp EVN lạm dụng vị thế của mình, can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông hoặc trái với các liên kết và thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên, làm tổn hại đến lợi ích của doanh nghiệp thành viên, các bên có liên quan, thì EVN và những người có liên quan phải chịu trách nhiệm theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 và 6 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 11. Trách nhiệm của EVN trong quản lý, điều hành Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam**

1. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu nhà nước về bảo đảm mục tiêu kinh doanh ngành, nghề chính và các mục tiêu khác do Nhà nước giao cho EVN. Chịu sự giám sát của đại diện chủ sở hữu nhà nước về danh mục đầu tư, các dự án đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản.

2. Quản lý danh mục đầu tư tại EVN nhằm đảm bảo điều kiện về đầu tư và cơ cấu ngành, nghề quy định tại Điều 16 Nghị định số 101/2009/NĐ-CP; theo dõi, giám sát danh mục đầu tư của EVN tại các công ty con; theo dõi, giám sát ngành, nghề kinh doanh của các công ty con.

3. Cung cấp thông tin và báo cáo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 101/2009/NĐ-CP.

4. Thiết lập tổ chức cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp thành viên.

5. Báo cáo cơ quan quản lý cạnh tranh và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý cạnh tranh về tập trung kinh tế trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

6. Thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp phù hợp với hình thức pháp lý đã đăng ký và các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Xây dựng và thực hiện hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động áp dụng đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên. Hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động với người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các yêu cầu:

a) Có các chỉ tiêu chính cho mỗi chức danh;

b) Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động;

c) Có cơ chế khuyến khích;

d) Có các chế tài xử lý vi phạm.

8. Xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự quản lý tại EVN và đối với người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên. Chính sách nhân sự quản lý phải bao gồm:

a) Các tiêu chuẩn về kinh nghiệm và trình độ quản lý;

b) Phương pháp và quy trình tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý thuộc quyền của EVN; tuyển chọn, đề cử để cấp có thẩm quyền lựa chọn, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo quản lý của EVN; tuyển chọn, đề cử để doanh nghiệp có vốn của EVN bầu vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên doanh nghiệp đó; tuyển chọn (kể cả thi tuyển), bổ nhiệm người đại diện tại doanh nghiệp khác;

c) Hệ thống đánh giá hiệu quả quản lý áp dụng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt tại EVN, các công ty con và người đại diện theo ủy quyền tại các doanh nghiệp thành viên;

d) Nguyên tắc và phương pháp trả lương và thưởng có tính cạnh tranh;

đ) Các chế tài xử lý vi phạm.

9. Hướng dẫn các công ty con để hình thành các quỹ tập trung và hệ thống điều hành, hạch toán thống nhất.

## Chương III
## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA EVN

### Điều 12. Quyền của EVN đối với vốn và tài sản

1. Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của EVN để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của EVN.

2. Định đoạt về vốn, tài sản của EVN theo quy định của pháp luật.

3. Quản lý và sử dụng các tài sản, nguồn lực được Nhà nước giao hoặc cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên để đầu tư phát triển kinh doanh, kể cả đầu tư ra ngoài EVN.

4. Nhà nước không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại EVN và vốn, tài sản của EVN theo phương thức không thanh toán, trừ trường hợp quyết định tổ chức lại EVN hoặc thực hiện mục tiêu cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

5. EVN có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, nhãn hiệu, thương hiệu của EVN theo quy định của pháp luật.

**Điều 13. Nghĩa vụ của EVN về vốn và tài sản**

1. Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại EVN và vốn EVN tự huy động.

2. EVN chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của EVN trong phạm vi số tài sản của EVN.

3. Đánh giá lại tài sản của EVN theo quy định của pháp luật.

**Điều 14. Quyền kinh doanh**

1. Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước và ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

4. Quyết định giá trị nhãn hiệu, thương hiệu, giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá hoặc khung giá.

5. Được bảo hộ đối với tất cả các đối tượng sử dụng tên gọi, nhãn hiệu, thương hiệu của EVN theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định việc mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của EVN với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết.

7. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và Điều lệ này; sử dụng vốn, tài sản của EVN để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác ở trong nước và nước ngoài; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác; đầu tư tài chính trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

8. Đầu tư và quản lý vận hành các dự án điện theo quy định của pháp luật.

9. Sử dụng phần vốn nhà nước thu về từ cổ phần hóa, nhượng bán một phần hoặc toàn bộ vốn mà EVN đã đầu tư ở đơn vị trực thuộc, công ty con hoặc công ty liên kết để tăng vốn điều lệ cho EVN và đầu tư cho các dự án điện theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

10. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty TNHH một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN; các công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do EVN nắm

giữ 100% vốn điều lệ; quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc và các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật, sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

11. Cùng với các công ty con và các nhà đầu tư khác thành lập công ty con mới hoặc công ty liên kết trong nước và ngoài nước dưới các hình thức công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty có vốn đầu tư nước ngoài với mức cổ phần, vốn góp của EVN vào mỗi công ty dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN theo quy định của pháp luật. Trường hợp sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thì phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

12. Quyết định thuê một phần hoặc toàn bộ công ty khác; mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác với mức vốn dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; tiếp nhận công ty khác tự nguyện tham gia liên kết với EVN.

13. Quyết định tuyển chọn, thuê, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc đối với người lao động của EVN; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất, kinh doanh và các quy định của pháp luật về lao động, tiền lương, tiền công và quy định tại Khoản 14 Điều này.

14. Quyết định thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý EVN trên nguyên tắc tốc độ tăng tiền lương bình quân thấp hơn tốc độ tăng năng suất lao động, trừ các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên EVN.

15. EVN và các đơn vị thành viên của EVN được lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật trong mua sắm hàng hóa, dịch vụ mà hàng hóa, dịch vụ đó là đầu ra của doanh nghiệp này nhưng là đầu vào của doanh nghiệp khác trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; đơn vị thành viên của EVN có quyền tham gia đấu thầu thực hiện các dự án thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của EVN và các đơn vị thành viên khác của EVN.

16. Được quan hệ, hợp tác với các đối tác nước ngoài, quyết định cử đại diện làm việc tại nước ngoài; cán bộ, công nhân, nhân viên đi công tác, học tập, tham quan khảo sát ở nước ngoài.

17. Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật.

18. Các quyền sản xuất, kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Điều 15. Nghĩa vụ trong kinh doanh**

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do EVN thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, tuân thủ các quy định về an ninh và an toàn hệ thống điện quốc gia.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý EVN của người lao động theo quy định của pháp luật.

4. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu nhà nước.

6. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

7. Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của EVN trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

8. Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác của EVN.

9. Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác trong kinh doanh theo quy định của pháp luật.

**Điều 16. Quyền về tài chính**

1. Được huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu của EVN; vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh phải thực hiện theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu EVN. Trường hợp EVN huy động vốn để chuyển đổi sở hữu phải được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ.

Việc vay vốn ở nước ngoài theo quy định của pháp luật và phải có ý kiến đồng ý của Bộ Công thương, thẩm định phê duyệt của Bộ Tài chính.

2. Được quyền điều chuyển tài sản của công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ theo nguyên tắc thanh toán nhưng phải bảo đảm khả năng trả nợ và không ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của công ty con đó.

3. Thông qua phương án giá mua bán các sản phẩm, dịch vụ chính giữa các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ để quyết định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

4. Được chủ động sử dụng vốn cho các hoạt động kinh doanh của EVN; quản lý và sử dụng các quỹ của EVN theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực kinh doanh chính.

5. Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở doanh thu từ hoạt động kinh doanh của EVN theo quy định của pháp luật.

6. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh; phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của EVN.

8. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm chi phí và vật tư. Các khoản tiền thưởng này được hạch toán vào chi phí kinh doanh, được thực hiện một lần với mức thưởng tối đa không quá mức hiệu quả của sáng kiến, đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý, công nghệ, tiết kiệm chi phí và vật tư mang lại trong một năm.

9. Được hưởng các chế độ ưu đãi về đầu tư và tái đầu tư theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền của chủ sở hữu đối với phần vốn góp, cổ phần của EVN tại các công ty con và doanh nghiệp khác.

10. Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

11. Sau khi chuyển lỗ (nếu có) và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập quỹ dự phòng tài chính; phần lợi nhuận thực hiện còn lại được phân chia theo Quy chế quản lý tài chính của EVN và các quy định pháp luật. Trường hợp EVN còn nợ đến hạn phải trả mà chưa trả hết thì chỉ được trích thưởng cho công nhân viên của EVN, kể cả người quản lý sau khi đã trả hết nợ đến hạn.

12. Được thành lập và sử dụng các quỹ theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của EVN.

13. Được bảo lãnh, thế chấp và tín chấp cho các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ để vay vốn của các tổ chức tín dụng, ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. EVN có quyền cho các đơn vị thành viên vay theo quy định của pháp luật. Trường hợp các doanh nghiệp có vốn góp của EVN có nhu cầu bảo lãnh thì EVN được bảo lãnh theo quy định của pháp luật.

14. Các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Nghĩa vụ về tài chính**

1. Tự chủ về tài chính, tự cân đối về các khoản thu chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu nhà nước giao; đăng ký, kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác; quản lý sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Nhà nước giao, cho thuê.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của EVN.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của EVN và quy định khác của pháp luật.

**Điều 18. Quyền tham gia hoạt động công ích**

1. Sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì EVN có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, theo giá và phí do Nhà nước quy định.

2. Đối với nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao, EVN được bảo đảm điều kiện vật chất tương ứng.

a) Đối với các sản phẩm, dịch vụ thực hiện theo phương thức đấu thầu thì EVN tự bù đắp chi phí theo giá trúng thầu.

b) Đối với các sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng thì EVN được sử dụng phí hoặc doanh thu từ cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo đặt hàng của Nhà nước để bù đắp chi phí hợp lý phục vụ hoạt động công ích và bảo đảm lợi ích cho người lao động. Trường hợp không đủ thì được Nhà nước cấp bù phần chênh lệch.

3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

4. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

**Điều 19. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích**

1. Cung ứng dịch vụ công ích do Nhà nước giao nhiệm vụ hoặc đặt hàng theo đúng đối tượng, giá và phí mà Nhà nước quy định.

2. Nhận nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao hoặc đặt hàng và giao lại một phần hoặc toàn bộ nhiệm vụ công ích cho các công ty con của EVN thực hiện theo quy định của Nhà nước.

3. Thực hiện việc ký kết hợp đồng và hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của EVN; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do EVN trực tiếp thực hiện và cung ứng.

4. Cung cấp đủ số lượng sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo đúng chất lượng, đúng đối tượng và đúng thời gian.

5. Thực hiện các nghĩa vụ công ích khác theo quy định của pháp luật.

## Chương IV
## QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI EVN

**Điều 20. Quyền của chủ sở hữu đối với EVN**

1. Quyết định thành lập mới, cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu EVN.

2. Quyết định mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm, ngành, nghề kinh doanh của EVN.

3. Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ của EVN.

4. Quyết định đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của EVN.

5. Quyết định việc đầu tư, góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết; phê duyệt chủ trương vay, cho vay, thuê, cho thuê của EVN theo thẩm quyền.

6. Quy định chế độ tài chính đối với EVN, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của EVN.

7. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên.

Chấp thuận để Hội đồng thành viên bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc EVN.

8. Quy định chế độ tiền lương, phụ cấp lương, tiền thưởng, quyết định mức lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên EVN.

9. Quy định chế độ đặt hàng, đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ, mức giá bán, mức bù chênh lệch để thực hiện sản xuất, cung ứng các sản phẩm và dịch vụ công ích.

10. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và đánh giá hiệu quả hoạt động của EVN.

**Điều 21. Nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với EVN**

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho EVN.

2. Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ EVN liên quan đến chủ sở hữu.

3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của EVN trong phạm vi số vốn điều lệ của EVN.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định dự án đầu tư; phê duyệt chủ trương mua, bán, vay, cho vay, thuê và cho thuê theo thẩm quyền.

5. Đảm bảo quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của EVN; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của EVN.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 22. Phân công, phân cấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với EVN**

1. Thủ tướng Chính phủ:

a) Quyết định thành lập, cơ cấu tổ chức, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu EVN theo đề nghị của Bộ Công thương và ý kiến của các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư.

b) Phê duyệt mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, ngành, nghề kinh doanh của EVN theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN, thẩm định của Bộ Công thương và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;

c) Phê duyệt Đề án đổi mới tổ chức quản lý tổng thể của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong từng giai đoạn theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN, thẩm định của Bộ Công thương và ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;

d) Phê duyệt Điều lệ, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN, thẩm định của Bộ Công thương, ý kiến của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;

đ) Quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động đối với EVN theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN, ý kiến của Bộ Công thương, thẩm định của Bộ Tài chính;

e) Phê duyệt các dự án đầu tư của EVN, các dự án đầu tư ra ngoài EVN có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN theo quy định của pháp luật về đầu tư, Điều lệ này và các văn bản pháp luật có liên quan;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên EVN theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương, ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ;

h) Chấp thuận để Hội đồng thành viên EVN quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc EVN theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN và ý kiến thẩm định của Bộ Công thương;

i) Chấp thuận để Hội đồng thành viên của EVN quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do EVN nắm 100% vốn điều lệ;

các đơn vị trực thuộc EVN; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và ở nước ngoài; việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của EVN, việc tổ chức doanh nghiệp cấp II thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con theo quy định của pháp luật;

k) Quy định giá bán, mức bù chênh lệch cho EVN khi tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích;

l) Yêu cầu EVN báo cáo thường xuyên hoặc đột xuất các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính của EVN theo quy định tại Chương IX Điều lệ này.

2. Bộ Công thương:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu EVN; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên EVN;

b) Thẩm định: Điều lệ Tổ chức và hoạt động của EVN, việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của EVN; mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; ngành, nghề kinh doanh của EVN; Đề án đổi mới tổ chức quản lý tổng thể của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong từng giai đoạn; việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên EVN trình Thủ tướng Chính phủ;

c) Có ý kiến để Thủ tướng Chính phủ: quyết định đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của EVN; chấp thuận để Hội đồng thành viên EVN quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do EVN nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị trực thuộc EVN, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của EVN, việc tổ chức doanh nghiệp cấp II thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên EVN;

đ) Quyết định xếp lương, nâng lương, phụ cấp lương đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên EVN;

e) Chủ trì cùng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính thẩm định phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của EVN; có ý kiến để Bộ Tài chính phê duyệt việc vay vốn ở nước ngoài của EVN;

g) Giao chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm cho EVN và giám sát, đánh giá việc thực hiện theo quy định của pháp luật;

h) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của EVN;

i) Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ, thực hiện các quyết định của chủ sở hữu và đánh giá hiệu quả hoạt động của EVN;

k) Theo dõi, kiểm tra, giám sát và định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thực hiện Điều lệ này; kịp thời phát hiện và báo cáo Thủ tướng Chính phủ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp yêu cầu thực tế phát triển doanh nghiệp và quản lý của Nhà nước đối với EVN;

l) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, phẩm chất, năng lực của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm hoặc chấp thuận để bổ nhiệm;

m) Quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Bộ quản lý ngành theo quy định của pháp luật;

n) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật và phân cấp, phân công của chủ sở hữu.

3. Bộ Tài chính:

a) Thẩm định để Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của EVN; thực hiện việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Phê duyệt Quy chế quản lý tài chính của EVN theo đề nghị của Hội đồng thành viên EVN;

c) Kiểm tra, giám sát về tài chính của EVN;

d) Có ý kiến để Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, đa dạng hóa sở hữu EVN; phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN; mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn; ngành, nghề kinh doanh của EVN; Đề án đổi mới tổ chức quản lý tổng thể của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong từng giai đoạn; chấp thuận để Hội đồng thành viên EVN quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do EVN nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị trực thuộc EVN, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của EVN, việc tổ chức doanh nghiệp cấp II thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

đ) Thẩm định phê duyệt việc vay vốn ở nước ngoài của EVN sau khi có ý kiến của Bộ Công thương theo quy định của pháp luật;

e) Phối hợp với Bộ Công thương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; phối hợp với Bộ Công thương thẩm định phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của EVN;

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của chủ sở hữu.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Giám sát việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà Thủ tướng Chính phủ giao cho EVN;

b) Có ý kiến để Thủ tướng Chính phủ: quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu, đa dạng hóa sở hữu EVN; phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN, phê duyệt sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của EVN; mục tiêu, chiến lược, kế hoạch dài hạn; ngành, nghề kinh doanh của EVN; việc đầu tư vốn để hình thành vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của EVN; Đề án đổi mới tổ chức quản lý tổng thể của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam trong từng giai đoạn; chấp thuận để Hội đồng thành viên EVN quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty đến 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN, các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của công ty con do EVN nắm 100% vốn điều lệ, các đơn vị trực thuộc EVN, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và ở ngoài nước, việc góp vốn đầu tư vào công ty khác, tiếp nhận đơn vị thành viên mới, thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của EVN, việc tổ chức doanh nghiệp cấp II thành tổng công ty hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

c) Phối hợp với Bộ Công thương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm; phối hợp với Bộ Công thương thẩm định phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển hàng năm của EVN;

d) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của chủ sở hữu.

5. Bộ Nội vụ:

Thẩm định về quy trình, thủ tục, tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên EVN do Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của chủ sở hữu.

6. Kiểm soát viên EVN: EVN có 3 Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Công thương quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật. Kiểm soát viên EVN hoạt động theo quy định của pháp luật về

Kiểm soát viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

7. Hội đồng thành viên EVN được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với EVN, trừ các quyền và nghĩa vụ quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này.

## Chương V
## TỔ CHỨC QUẢN LÝ EVN

### Mục 1
### CƠ CẤU TỔ CHỨC

**Điều 23. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành**

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVN gồm:

a) Hội đồng thành viên;

b) Tổng Giám đốc;

c) Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

d) Bộ máy giúp việc, Ban Kiểm soát nội bộ.

2. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của EVN có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu của sản xuất, kinh doanh, các quy định của pháp luật.

### Mục 2
### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN EVN

**Điều 24. Hội đồng thành viên EVN**

1. Hội đồng thành viên EVN là cơ quan đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu nhà nước tại EVN, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với cổ phần, vốn góp của EVN tại các công ty con, công ty liên kết.

2. Hội đồng thành viên EVN có quyền nhân danh EVN để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và quyền lợi của EVN, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc phân cấp cho các cơ quan, tổ chức khác là đại diện chủ sở hữu thực hiện.

3. Hội đồng thành viên EVN chịu trách nhiệm trực tiếp trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về mọi hoạt động của EVN.

4. Hội đồng thành viên EVN có từ 05 đến 09 thành viên do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công thương. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng

thành viên EVN là 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên EVN có thể được bổ nhiệm lại.

**Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên EVN**

1. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho EVN.

2. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch dài hạn, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm, ngành, nghề kinh doanh của EVN; quyết định kế hoạch hàng năm của EVN sau khi được Bộ Công thương phê duyệt.

3. Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu, các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ, phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa EVN với các đơn vị thành viên.

4. Phê duyệt mục tiêu, định hướng, chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngành, nghề kinh doanh của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ; phương án phối hợp kinh doanh của các công ty con của EVN.

5. Phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và Quy chế làm việc của các Kiểm soát viên của công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ. Phê duyệt Quy chế hoặc Điều lệ tổ chức và hoạt động của đơn vị trực thuộc.

6. Quyết định giá mua, bán buôn điện trong phạm vi khung giá bán buôn điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Điện lực.

7. Căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan và của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phê duyệt:

a) Định mức lao động của EVN và của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Đơn giá tiền lương và đơn giá các hàng hóa, dịch vụ khác của EVN và của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Định mức kinh tế - kỹ thuật và tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo phân cấp của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8. Quyết định các dự án đầu tư nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phân cấp cho Tổng Giám đốc EVN, người đại diện tại các doanh nghiệp khác quyết định đầu tư các dự án trong kế hoạch đã được Hội đồng thành viên EVN phê duyệt.

9. Quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của công ty khác, bán tài sản của EVN có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản còn lại được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN theo quy định của pháp luật.

10. Quyết định các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng khác có giá trị vượt quá mức vốn điều lệ của EVN phù hợp với các quy định của pháp luật.

11. Quyết định phương án tổ chức quản lý, tổ chức kinh doanh, biên chế và sử dụng bộ máy quản lý, quy chế quản lý nội bộ, quy hoạch, đào tạo lao động.

12. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc EVN sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận; quyết định mức lương của Tổng Giám đốc EVN; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương đối với Phó Tổng Giám đốc EVN, Kế toán trưởng EVN theo đề nghị của Tổng Giám đốc EVN. Phân cấp cho Tổng Giám đốc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với các chức danh quản lý quan trọng khác trong bộ máy EVN.

13. Đối với công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ: quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên hay Chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và mức thù lao hoặc lương đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên theo đề nghị của Tổng Giám đốc EVN; phân cấp cho Tổng Giám đốc EVN, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ; quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật Tổng Giám đốc, Giám đốc công ty đó và các chức danh quản lý quan trọng khác.

14. Cử người đại diện phần vốn góp của EVN tại các doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc EVN. Giới thiệu người tham gia các chức danh quản lý chủ chốt ở doanh nghiệp khác.

15. Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với các chức danh cán bộ quản lý do Hội đồng thành viên EVN quyết định bổ nhiệm.

16. Quyết định hoặc phân cấp cho Tổng Giám đốc EVN quyết định phương án huy động vốn để hoạt động kinh doanh nhưng không làm thay đổi hình thức sở hữu.

17. Thông qua các báo cáo tài chính và các báo cáo hàng năm khác sau đây:

a) Báo cáo tài chính hàng năm của EVN;

b) Báo cáo tài chính hàng năm của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;

c) Báo cáo tài chính hàng năm của đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ và cơ sở đào tạo;

d) Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm của Tập đoàn;

đ) Báo cáo giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của EVN;

e) Báo cáo công khai tình hình tài chính của EVN.

18. Quyết định thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý của EVN theo quy định tại Khoản 14 Điều 14 Điều lệ này; quyết định trích lập và sử dụng các quỹ tập trung của EVN theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản lý tài chính của EVN.

19. Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hoặc xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh do Tổng Giám đốc EVN đề nghị phù hợp với Quy chế quản lý tài chính của EVN.

20. Tổ chức kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc EVN, các Phó Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, Viện trưởng, Hiệu trưởng các đơn vị nghiên cứu khoa học và đào tạo trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ EVN.

21. Tổ chức kiểm tra, giám sát Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện tại doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng thành viên EVN giao theo quy định của Điều lệ này và phù hợp với Điều lệ của công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp có vốn góp của EVN và pháp luật có liên quan.

22. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty TNHH một thành viên với mức vốn điều lệ của mỗi công ty dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của EVN theo quy định của pháp luật, sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận.

23. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu các công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của EVN ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

24. Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các công ty do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ; chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của EVN.

25. Quyết định tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia là công ty liên kết của EVN.

26. Kiến nghị chủ sở hữu quyết định hoặc phê chuẩn quyết định về những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu nhà nước đối với EVN.

27. Thông qua để Tổng Giám đốc EVN quyết định:

a) Ký kết các hợp đồng, thỏa thuận hợp tác theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN;

b) Bảo lãnh cho mỗi khoản vay của các công ty con có giá trị trên mức vốn điều lệ của công ty xin bảo lãnh để thực hiện dự án đầu tư đã được duyệt hoặc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh theo hợp đồng đã ký kết;

c) Góp vốn để thành lập mới công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN;

d) Các hợp đồng thuê, cho thuê; vay, cho vay có giá trị trên mức vốn điều lệ của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN;

đ) Bổ nhiệm các chức danh quản lý và điều hành theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN.

28. Hội đồng thành viên EVN ban hành quy chế phân cấp theo từng lĩnh vực hoạt động cho Tổng Giám đốc EVN, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, các doanh nghiệp nghiên cứu khoa học công nghệ và cơ sở đào tạo của EVN, người đại diện tại các doanh nghiệp khác.

29. Tổ chức thực hiện sắp xếp, chuyển đổi EVN theo phương án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quyết định và tổ chức thực hiện các quyền của EVN quy định tại Điều lệ này.

**Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng thành viên EVN**

Thành viên Hội đồng thành viên EVN phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tối thiểu sau đây:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Tốt nghiệp đại học; có năng lực quản lý và kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của EVN.

3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên.

5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, đ, e, g Khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 27. Miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng thành viên EVN**

1. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này; trong trường hợp này, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính EVN;

d) Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: không đủ sức khỏe hoặc không đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên;

đ) Khi EVN không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chi tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp thuận.

2. Thành viên Hội đồng thành viên được thay thế trong những trường hợp sau đây:

a) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc bố trí công việc khác;

c) Bị miễn nhiệm theo quy định của Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thay thế Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên thì trong thời hạn 60 ngày Hội đồng thành viên phải họp để kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công thương trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc tuyển chọn, bổ nhiệm người thay thế.

**Điều 28. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN**

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc EVN.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thay mặt Hội đồng thành viên EVN ký nhận vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do chủ sở hữu đầu tư cho EVN; quản lý EVN theo nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN;

b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên EVN; quyết định chương trình, nội dung họp và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng thành viên EVN;

c) Thay mặt Hội đồng thành viên EVN hoặc ủy quyền cho các thành viên khác của Hội đồng thành viên EVN ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN; có quyền đình chỉ các quyết định của Tổng Giám đốc EVN trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN;

đ) Tổ chức nghiên cứu và soạn thảo chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, dự án đầu tư có quy mô thuộc quyền quyết định của Hội đồng thành viên EVN hoặc Hội đồng thành viên EVN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; phương án đổi mới tổ chức, nhân sự chủ chốt của EVN để trình Hội đồng thành viên EVN;

e) Các quyền khác theo phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên EVN và Thủ tướng Chính phủ;

g) Có thể ủy quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên Hội đồng thành viên EVN thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN khi Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN vắng mặt;

h) Thay mặt Hội đồng thành viên EVN quan hệ với bên đối tác thứ ba trong trường hợp EVN đại diện cho Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam thực hiện các

hoạt động chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam hoặc các hoạt động khác nhân danh Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp thành viên.

**Điều 29. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên EVN**

1. Hội đồng thành viên EVN làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đối với những vấn đề không yêu cầu phải thảo luận thì Hội đồng thành viên EVN có thể lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên bằng văn bản. Hội đồng thành viên EVN có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách của EVN và của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc của người đại diện theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên EVN.

2. Các cuộc họp của Hội đồng thành viên EVN hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên EVN tham dự. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên EVN dự họp biểu quyết tán thành, trường hợp có số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên có phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN là quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ EVN, tổ chức lại EVN, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của EVN phải được ít nhất ba phần tư số thành viên dự họp chấp thuận. Thành viên Hội đồng thành viên EVN có quyền bảo lưu ý kiến của mình và ý kiến bảo lưu được ghi trong nghị quyết của cuộc họp Hội đồng thành viên EVN.

3. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết thông qua các quyết định của Hội đồng thành viên EVN và kết luận tại các cuộc họp của Hội đồng thành viên EVN phải được ghi thành biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên EVN. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN có tính bắt buộc thi hành đối với toàn EVN và người đại diện.

4. Thành viên Hội đồng thành viên EVN có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý trong EVN, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, người đại diện cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, các hoạt động đầu tư, kinh doanh của đơn vị theo Quy chế về cung cấp thông tin do Hội đồng thành viên EVN ban hành hoặc tại nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên EVN.

5. Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên EVN, kể cả tiền lương, phụ cấp và thù lao, được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp của EVN.

6. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên EVN được quyền tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài EVN trước khi quyết định các

vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên EVN. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của EVN.

## Mục 3
## TỔNG GIÁM ĐỐC EVN

**Điều 30. Tổng Giám đốc EVN**

1. Tổng Giám đốc EVN là người đại diện theo pháp luật của EVN; điều hành hoạt động hàng ngày của EVN theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc EVN do Hội đồng thành viên EVN bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận bằng văn bản.

3. Tổng Giám đốc EVN được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ 05 năm.

4. Hội đồng thành viên EVN quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng Giám đốc EVN sau khi được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trong các trường hợp sau:

a) Để EVN lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu giao trong hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng lỗ, lãi đan xen nhau nhưng không khắc phục được, trừ các trường hợp lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ theo kế hoạch do đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ theo nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên EVN; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) EVN lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Hội đồng thành viên EVN giao; vi phạm nhiều lần và có hệ thống nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN, quy chế hoạt động của EVN;

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của EVN;

đ) Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Bị Tòa án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

5. Tổng Giám đốc EVN được thay thế trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự pháp luật;

b) Khi có quyết định điều chuyển, nghỉ hưu hoặc được bố trí công việc khác.

**Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc EVN**

1. Tổ chức xây dựng chiến lược phát triển EVN; quy hoạch phát triển các dự án thuộc các ngành, nghề kinh doanh của EVN và Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm của EVN, kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; các phương án huy động và sử dụng vốn; chuẩn bị các dự án đầu tư, phân bổ các nguồn lực, chuẩn bị các đề án tổ chức, quản lý; dự thảo Điều lệ, sửa đổi Điều lệ EVN, dự thảo Quy chế quản lý tài chính của EVN, các quy chế, quy định quản lý nội bộ của EVN; xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực; xây dựng và kiểm tra việc thực hiện hệ thống chỉ tiêu, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, đơn giá tiền lương, đơn giá sản phẩm; chuẩn bị các hợp đồng; chuẩn bị các báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê, báo cáo tài chính của EVN, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, các đề án, dự án khác.

2. Trình Hội đồng thành viên EVN để Hội đồng thành viên EVN trình Thủ tướng Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt các nội dung thuộc quyền của chủ sở hữu đối với EVN.

3. Trình Hội đồng thành viên EVN xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên EVN.

4. Quyết định các vấn đề được Hội đồng thành viên EVN phân công, phân cấp hoặc ủy quyền.

5. Quyết định các dự án đầu tư, bán tài sản của EVN; các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng khác; phương án sử dụng vốn, tài sản của EVN để góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp theo phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên EVN và pháp luật có liên quan.

6. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh theo phân cấp của Hội đồng thành viên EVN.

7. Đề nghị Hội đồng thành viên EVN quyết định cử người đại diện tại doanh nghiệp khác.

8. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng Giám đốc EVN.

9. Cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của EVN, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng; tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với EVN; ủy quyền cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc cử cán bộ, viên chức, công nhân, người lao động của đơn vị mình ra nước ngoài công tác, học tập, giải quyết việc riêng và tiếp nhận các cá nhân, các đoàn nước ngoài vào Việt Nam làm việc với đơn vị mình.

10. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động hàng ngày; kế hoạch phối hợp kinh doanh trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; công tác kiểm toán, thanh tra, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ và các công tác khác nhằm thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN và chủ sở hữu; điều hành hoạt động của EVN nhằm thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN.

11. Ký kết các hợp đồng của EVN. Đối với các hợp đồng có giá trị trên mức phân cấp cho Tổng Giám đốc EVN thì Tổng Giám đốc EVN chỉ được ký kết sau khi có nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng thành viên EVN.

12. Báo cáo Hội đồng thành viên EVN về kết quả hoạt động kinh doanh của EVN; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

13. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên EVN, Kiểm soát viên EVN, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các đơn vị thành viên theo sự phân công hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên EVN.

15. Được áp dụng các biện pháp cần thiết, vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp và phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên EVN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ này và theo quyết định của Hội đồng thành viên EVN.

**Điều 32. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc EVN**

1. Người được tuyển chọn làm Tổng Giám đốc EVN phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý các hoạt động điện lực; có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn về điện lực, quản lý kinh tế và có ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính của EVN;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; thường trú tại Việt Nam;

d) Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, Thủ quỹ EVN, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Tổng Giám đốc EVN.

2. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc EVN:

a) Những người đã từng làm Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm hoặc để doanh nghiệp đó lâm vào tình trạng như quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 30 Điều lệ này;

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

**Điều 33. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng EVN**

1. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng EVN được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của EVN.

2. Chủ sở hữu EVN quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng EVN được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trên báo cáo tài chính hàng năm của EVN.

3. Chủ tịch, thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN hưởng chế độ lương theo năm. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên hưởng thù lao theo công việc, thời gian làm việc. Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ. Mức tiền lương và thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của EVN và kết quả hoạt động quản lý, điều hành.

4. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ;

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của EVN và quy chế giám sát, đánh giá đối với các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành của Hội đồng thành viên và từng thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá thì những thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng EVN không đáp ứng yêu cầu sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm (đối với

các đối tượng hưởng lương) và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

5. Các thành viên kiêm nhiệm của Hội đồng thành viên EVN hưởng phụ cấp trách nhiệm và chế độ tiền thưởng theo cơ chế như đối với các thành viên chuyên trách.

## Mục 4
## NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN EVN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC EVN

**Điều 34. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên EVN và Tổng Giám đốc EVN trong quản lý, điều hành EVN**

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho EVN thì Tổng Giám đốc EVN phải báo cáo ngay với Hội đồng thành viên EVN để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Hội đồng thành viên EVN phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc EVN. Trường hợp Hội đồng thành viên EVN không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc EVN vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên chủ sở hữu.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc quý và năm, Tổng Giám đốc EVN phải báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của EVN cho Hội đồng thành viên EVN.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN tham dự hoặc cử đại diện của Hội đồng thành viên EVN tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên EVN do Tổng Giám đốc EVN chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN hoặc người đại diện Hội đồng thành viên EVN dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc EVN không là thành viên Hội đồng thành viên EVN thì được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên EVN và được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

**Điều 35. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN, thành viên Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN**

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN, thành viên Hội đồng thành viên EVN, Tổng Giám đốc EVN có nghĩa vụ:

a) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn và nhiệm vụ được giao vì lợi ích của EVN và của Nhà nước;

b) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của EVN để thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản của EVN cho người khác; không được tiết lộ bí mật của EVN trong thời gian đang thực hiện chức trách của mình và trong thời hạn tối thiểu là ba năm sau khi thôi làm Chủ tịch Hội

đồng thành viên EVN, thành viên Hội đồng thành viên EVN hoặc Tổng Giám đốc EVN, trừ trường hợp được Hội đồng thành viên EVN chấp thuận;

c) Khi EVN không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Tổng Giám đốc EVN phải báo cáo Hội đồng thành viên EVN tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính cho tất cả chủ nợ biết. Khi trường hợp này xảy ra, Hội đồng thành viên EVN và Tổng Giám đốc EVN không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động;

d) Khi EVN không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại Điểm c Khoản này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ;

đ) Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN, thành viên Hội đồng thành viên EVN hoặc Tổng Giám đốc EVN vi phạm Điều lệ EVN, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho EVN và Nhà nước thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Điều lệ EVN;

e) Không được để vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ EVN;

g) Thực hiện các quy định tại Điều 75 Luật Doanh nghiệp.

2. Các thành viên Hội đồng thành viên EVN phải cùng chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên EVN, kết quả và hiệu quả hoạt động của EVN.

3. Tổng Giám đốc EVN chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của EVN, về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN, các thành viên Hội đồng thành viên EVN và Tổng Giám đốc EVN không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để EVN lỗ;

b) Để mất vốn nhà nước;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động của EVN theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do Nhà nước quy định.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên EVN thiếu trách nhiệm, không thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình mà dẫn đến một trong các vi phạm tại

Khoản 4 Điều này thì bị miễn nhiệm; tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp để EVN lâm vào tình trạng quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 30 Điều lệ này thì tùy theo mức độ vi phạm và hậu quả, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN bị hạ lương hoặc bị cách chức, đồng thời phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp EVN lâm vào tình trạng phá sản mà Tổng Giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Tổng Giám đốc không nộp đơn mà Hội đồng thành viên không yêu cầu Tổng Giám đốc nộp đơn phá sản thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên EVN bị miễn nhiệm.

8. Trường hợp EVN thuộc diện tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu mà không tiến hành các thủ tục tổ chức lại, giải thể hoặc chuyển đổi sở hữu thì Chủ tịch Hội đồng thành viên, các thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN bị miễn nhiệm.

## Mục 5
## PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG EVN VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

### Điều 36. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, bộ máy giúp việc

1. EVN có các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, do Hội đồng thành viên EVN bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc EVN.

2. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc EVN trong việc điều hành; thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Tổng Giám đốc giao; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

3. Kế toán trưởng EVN có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của EVN; giúp Tổng Giám đốc giám sát tài chính tại EVN theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

4. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng EVN được bổ nhiệm với thời hạn tối đa là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Chế độ lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng thành viên EVN quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc và theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

5. Bộ máy giúp việc gồm Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc EVN trong quản lý, điều hành EVN và Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng và các Ban chuyên môn, nghiệp vụ do Tổng Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng thành viên EVN chấp thuận.

## Mục 6
## KIỂM SOÁT NỘI BỘ

**Điều 37. Kiểm soát nội bộ**

1. EVN có Ban Kiểm soát nội bộ do Hội đồng thành viên quyết định thành lập, trực thuộc Hội đồng thành viên.

2. Ban Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thành viên trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý, điều hành trong EVN; kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế, khắc phục các sai sót, rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; điều hành thông suốt, an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của EVN và của các doanh nghiệp trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

3. Hội đồng thành viên quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ.

## Mục 7
## THAM GIA QUẢN LÝ EVN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

**Điều 38. Những nội dung người lao động tham gia quản lý**

1. Giải pháp thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của EVN.

2. Phương án cổ phần hóa, đa dạng hóa sở hữu EVN.

3. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

4. Các nội quy, quy chế, quy định của EVN liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động:

a) Nội quy lao động, trang bị bảo hộ lao động, quy trình vận hành máy móc, thiết bị; nội quy an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ;

b) Quy chế tiền lương, tiền thưởng;

c) Quy định về định mức lao động, định mức khoán;

d) Các quy định về thi đua, khen thưởng.

5. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và tổ chức thực hiện thỏa ước lao động tập thể của EVN.

6. Việc trích lập và sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi hàng năm; trích kinh phí công đoàn; trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp; thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp.

7. Ký kết và thực hiện hợp đồng lao động; xử lý kỷ luật lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động.

8. Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động.

9. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động.

10. Các vấn đề khác liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

**Điều 39. Hình thức tham gia quản lý của người lao động**

Người lao động trong EVN tham gia quản lý doanh nghiệp thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Thông qua Hội nghị người lao động trong EVN.

2. Thông qua việc tham gia của đại diện tổ chức công đoàn trong các cuộc họp Hội đồng thành viên EVN, họp giao ban và hội nghị triển khai công tác của Văn phòng và các Ban chuyên môn của EVN.

3. Thông qua đối thoại giữa người quản lý EVN và tập thể người lao động.

4. Thông qua tổ chức Công đoàn.

5. Thông qua hòm thư góp ý.

6. Người quản lý EVN tiếp người lao động theo định kỳ.

## Chương VI
## MỐI QUAN HỆ GIỮA EVN VỚI CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN, DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

### Mục 1
### QUAN HỆ PHỐI HỢP CHUNG

**Điều 40. Quan hệ phối hợp chung trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam**

EVN, các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết thực hiện quan hệ phối hợp chung như sau:

1. Xây dựng quy chế hoạt động chung trên cơ sở thỏa thuận của EVN và các doanh nghiệp tham gia Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

2. EVN căn cứ quyền hạn, trách nhiệm do pháp luật quy định làm đầu mối thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung phối hợp hoạt động chung quy định tại Điểm i Khoản 4 Điều 10 của Điều lệ này và các hoạt động chung dưới đây giữa các doanh nghiệp trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam:

a) Phối hợp trong công tác kế hoạch và điều hành kế hoạch phối hợp kinh doanh;

b) Định hướng phân công lĩnh vực hoạt động và ngành, nghề sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thành viên;

c) Tổ chức công tác tài chính, kế toán, thống kê;

d) Hình thành, quản lý và sử dụng các quỹ tập trung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

đ) Quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản;

e) Công tác lao động, tiền lương, y tế, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực;

g) Công tác an toàn lao động, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường;

h) Công tác ứng dụng khoa học, công nghệ;

i) Đặt tên các đơn vị trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; sử dụng tên gọi, nhãn hiệu, thương hiệu của EVN;

k) Thực hiện công tác hành chính, công tác đối ngoại của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam;

l) Quản lý công tác thi đua khen thưởng, văn hóa, thể thao và các công tác xã hội;

m) Các nội dung khác theo thỏa thuận của các doanh nghiệp thành viên.

**Điều 41. Việc sử dụng logo, thương hiệu của EVN**

1. Các công ty con của EVN sử dụng logo, thương hiệu của EVN theo quy chế sử dụng logo, thương hiệu.

2. Nhãn hiệu, thương hiệu của EVN được tính bằng tiền để chuyển thành vốn góp của EVN vào các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật.

## Mục 2
## QUAN HỆ GIỮA EVN VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CỦA EVN

**Điều 42. Quan hệ giữa EVN và các đơn vị trực thuộc EVN**

1. Đơn vị trực thuộc EVN thực hiện chế độ phân cấp theo quy định tại Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ với các đơn vị trong và ngoài EVN; được hạch toán chi phí hoạt động vào chi phí của EVN.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc EVN được quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng thuê, cho thuê, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp hoặc ủy quyền của Hội đồng thành viên EVN và các quy định của pháp luật.

## Mục 3
## QUAN HỆ GIỮA EVN VỚI CÁC CÔNG TY CON

**Điều 43. Quan hệ giữa EVN với các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ**

1. Hội đồng thành viên EVN thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ theo các quy định tại Điều lệ này và các quy định dưới đây:

a) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ theo đề nghị của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác sau khi được chủ sở hữu EVN chấp thuận;

c) Quyết định các hình thức đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị trên mức phân cấp được quy định tại Điều lệ của công ty;

d) Thông qua đề án thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu các công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu của công ty, các đơn vị trực thuộc công ty, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật. Thông qua phương án, đề án công ty góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; phương án, đề án thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con của công ty làm mất quyền chi phối của công ty;

đ) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính của công ty;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ của công ty không trái với Điều lệ này.

2. Trong quan hệ với công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, Tổng Giám đốc EVN có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty báo cáo EVN để trình Hội đồng thành viên EVN xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN đối với công ty;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại công ty.

3. Công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Được EVN giao thực hiện các hợp đồng sản xuất, kinh doanh; cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam theo quy định của Điều lệ này, theo thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; các cam kết hợp đồng với EVN và doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp thuộc thẩm quyền chủ sở hữu của EVN đối với doanh nghiệp; có trách nhiệm tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh với EVN và các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam.

4. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán tài sản, hợp đồng thuê, cho thuê, hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác theo Quy chế phân cấp, ủy quyền của Hội đồng thành viên EVN, Điều lệ của công ty và quy định của pháp luật.

**Điều 44. Quan hệ giữa EVN với các công ty con do EVN giữ quyền chi phối**

1. EVN có các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn đối với các công ty con do EVN giữ cổ phần, vốn góp chi phối (sau đây gọi là công ty bị chi phối) theo quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng thành viên EVN trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện tại công ty bị chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty bị chi phối;

b) Cử, thay đổi, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện;

c) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty bị chi phối;

d) Chỉ đạo người đại diện sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty bị chi phối; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên công ty bị chi phối; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty bị chi phối;

đ) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp của mình ở công ty bị chi phối;

e) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào công ty bị chi phối;

g) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào công ty bị chi phối.

2. Tổng Giám đốc EVN có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, kiểm tra, thẩm định các hồ sơ mà công ty bị chi phối báo cáo EVN để trình Hội đồng thành viên EVN xem xét, thông qua hoặc quyết định;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên EVN đối với công ty bị chi phối;

c) Kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện kế hoạch phối hợp sản xuất, kinh doanh tại công ty bị chi phối.

3. Công ty bị chi phối có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các quy định sau:

a) Có quyền tham gia kế hoạch phối hợp kinh doanh trên cơ sở hợp đồng với EVN và các doanh nghiệp thành viên; được EVN giao thực hiện các hợp đồng sản

xuất, kinh doanh với EVN; được EVN cung cấp thông tin và hưởng các dịch vụ và lợi ích từ hoạt động chung theo thỏa thuận với các doanh nghiệp thành viên và quy định pháp luật có liên quan;

b) Có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận chung của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, các cam kết hợp đồng với EVN và doanh nghiệp thành viên; triển khai thực hiện các quyết định hợp pháp của EVN với tư cách thực hiện quyền chi phối đối với công ty bị chi phối.

## Mục 4
## QUAN HỆ GIỮA EVN VỚI CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

**Điều 45. Quan hệ giữa EVN với công ty liên kết**

1. Các công ty liên kết có thể là công ty có tư cách pháp nhân Việt Nam hoặc công ty nước ngoài. EVN thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với các công ty liên kết theo quy định của pháp luật Việt Nam, pháp luật nước ngoài, theo Điều lệ công ty và các điều khoản liên quan của Điều lệ này.

2. EVN quản lý cổ phần, vốn góp thông qua người đại diện; thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty liên kết.

3. EVN quan hệ với công ty liên kết thông qua hợp đồng hoặc thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển nguồn điện, hệ thống điện, hệ thống truyền dẫn viễn thông công cộng; phát triển công nghệ sửa chữa và chế tạo thiết bị điện, thiết bị viễn thông; phát triển ngân hàng, bảo hiểm; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu EVN trong kinh doanh và các hoạt động khác.

**Điều 46. Quan hệ giữa EVN với công ty tự nguyện liên kết**

1. Công ty tự nguyện liên kết bao gồm các công ty ở trong nước và các công ty ở nước ngoài, là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của EVN nhưng tự nguyện liên kết với EVN trên cơ sở thỏa thuận hoặc hợp đồng liên kết.

2. Công ty tự nguyện liên kết chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với EVN và các doanh nghiệp thành viên theo thỏa thuận hoặc hợp đồng.

3. EVN quan hệ với công ty tự nguyện liên kết thông qua các thỏa thuận về: định hướng và lựa chọn công nghệ; nghiên cứu và phát triển mới hệ thống điện, hệ thống truyền dẫn viễn thông công cộng, hệ thống thông tin; liên kết về nghiên cứu khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực; sử dụng nhãn hiệu, thương hiệu EVN trong kinh doanh và các hoạt động khác.

4. EVN có quyền cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của EVN đối với công ty tự nguyện liên kết.

## Mục 5
## QUAN HỆ GIỮA CÁC DOANH NGHIỆP THÀNH VIÊN, DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

**Điều 47. Quan hệ giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết**

1. Quan hệ giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền ký kết theo quy định của pháp luật và Điều lệ của đơn vị.

2. Các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết có trách nhiệm:

a) Chịu sự chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia trong lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện theo quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và những ràng buộc quy định tại các quy trình quy phạm và hợp đồng hoặc cam kết giữa các bên, các ràng buộc về chỉ tiêu và tiêu chuẩn kỹ thuật để bảo đảm vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng.

**Điều 48. Quan hệ giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết với các đơn vị trực thuộc**

1. Quan hệ giữa các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết và các đơn vị trực thuộc thực hiện trên cơ sở hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết. Các đơn vị trực thuộc được EVN phân cấp hoặc ủy quyền ký kết hợp đồng, thỏa thuận hoặc cam kết với các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp liên kết.

2. Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm:

a) Chịu sự chỉ huy, điều khiển của đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia trong lĩnh vực phát điện, truyền tải điện, phân phối điện, sử dụng điện theo quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và những ràng buộc quy định tại hợp đồng hoặc cam kết giữa các bên để bảo đảm vận hành hệ thống điện quốc gia an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng.

## Mục 6
## QUẢN LÝ CỔ PHẦN, VỐN GÓP CỦA EVN

**Điều 49. Vốn của EVN tại công ty con, công ty liên kết**

1. Vốn của EVN tại các công ty con, công ty liên kết, bao gồm: vốn bằng tiền, giá trị quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất, giá trị tài sản hữu hình hoặc vô hình thuộc sở hữu của EVN đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.

2. Vốn ngân sách nhà nước đầu tư, góp vào doanh nghiệp khác giao cho EVN.

3. Giá trị cổ phần hoặc vốn nhà nước đầu tư tại các công ty nhà nước thuộc EVN được cổ phần hóa hoặc chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên, công ty TNHH hai thành viên trở lên.

4. Vốn do EVN tự vay để đầu tư.

5. Vốn tái đầu tư từ lợi tức được chia.

6. Giá trị cổ phiếu thưởng, cổ phiếu trả thay cổ tức của phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác.

7. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của EVN trong quản lý cổ phần, vốn góp tại doanh nghiệp khác**

1. Hội đồng thành viên EVN thực hiện các quyền và nghĩa vụ của:

a) Chủ sở hữu tại các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ;

b) Chủ sở hữu cổ phần, vốn góp tại công ty cổ phần, công ty liên doanh, công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của EVN trong quản lý cổ phần, vốn góp tại công ty con, công ty liên kết do Hội đồng thành viên EVN thực hiện bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau đây:

a) Quyết định đầu tư, góp vốn; tăng, giảm vốn đầu tư hoặc cổ phần, vốn góp theo quy định của pháp luật liên quan và Điều lệ của công ty mà EVN có cổ phần, vốn góp;

b) Quyết định cử, thay đổi, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đại diện, kiểm soát viên của EVN tại công ty con, công ty liên kết; giới thiệu người đại diện ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của các công ty có vốn góp, cổ phần của EVN phù hợp với các quy định tại Điều lệ của công ty và pháp luật liên quan tại Việt Nam và ở nước ngoài;

c) Quyết định giao số cổ phần, vốn góp tương ứng với số phiếu biểu quyết cho từng người đại diện;

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo, yêu cầu người đại diện:

- Định hướng công ty thực hiện các mục tiêu và kế hoạch phối hợp đầu tư, sản xuất, kinh doanh của EVN;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả đầu tư, sản xuất, kinh doanh và các nội dung khác;

- Báo cáo những vấn đề quan trọng của công ty có cổ phần, vốn góp của EVN để xin ý kiến trước khi biểu quyết;

- Báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp, thị trường, bí quyết công nghệ và những vấn đề khác để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của EVN.

đ) Giải quyết những đề nghị của người đại diện của EVN tại công ty con, công ty liên kết;

e) Thu lợi tức và chịu rủi ro từ phần vốn góp ở các công ty con, công ty liên kết. Phần vốn thu về, kể cả lãi được chia do EVN quyết định sử dụng để phục vụ cho các mục tiêu đầu tư, kinh doanh của EVN. Trường hợp tổ chức lại EVN thì việc quản lý phần vốn góp, cổ phần này thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

g) Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn của EVN và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của EVN tại các công ty con, công ty liên kết;

h) Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện**

Người đại diện phải là người bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam.

2. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe đảm đương nhiệm vụ.

3. Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành luật pháp.

4. Có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của EVN, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; đối với người trực tiếp quản lý phần vốn góp của EVN tại công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài, ngoài trình độ chuyên môn quy định tại điểm này phải có trình độ ngoại ngữ đủ để làm việc trực tiếp với đối tác nước ngoài trong doanh nghiệp không cần phiên dịch.

5. Không là bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con, anh, chị, em ruột của các thành viên Hội đồng thành viên EVN, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc của doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của EVN mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần cổ phần hoặc vốn góp; không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có cổ phần hoặc vốn góp của EVN mà người đó được cử trực tiếp quản lý, trừ trường hợp có cổ phần mua ưu đãi khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

6. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

7. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

**Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện**

1. Tham gia ứng cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp khác theo điều lệ của doanh nghiệp này.

2. Khi được ủy quyền thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh phải sử dụng quyền đó một cách cẩn trọng theo đúng chỉ đạo của Hội đồng thành viên EVN, nhất là trong trường hợp là cổ đông, bên góp vốn chi phối.

3. Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác theo quy định của luật pháp, điều lệ doanh nghiệp. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng thành viên EVN về tình hình, kết quả hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của doanh nghiệp khác, việc thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng thành viên EVN giao.

4. Theo dõi, đôn đốc và thực hiện thu hồi vốn của EVN tại doanh nghiệp khác gồm: vốn cho người lao động vay để mua cổ phần, bán chịu cổ phần cho người lao động, chia cổ phần cho người lao động để hưởng cổ tức, chuyển nhượng cổ phần của EVN, thu cổ tức và các khoản được chia khác từ vốn góp vào doanh nghiệp khác.

5. Người đại diện tham gia ban quản lý điều hành doanh nghiệp khác phải nghiên cứu, đề xuất phương hướng, biện pháp hoạt động của mình tại doanh nghiệp khác để trình Hội đồng thành viên EVN phê duyệt. Đối với những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp đưa ra thảo luận trong Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Đại hội đồng cổ đông hay các thành viên góp vốn hay bên liên doanh như phương hướng, chiến lược, kế hoạch kinh doanh, huy động thêm cổ phần, vốn góp, chia cổ tức... người đại diện phải chủ động báo cáo Hội đồng thành viên EVN cho ý kiến bằng văn bản, người đại diện có trách nhiệm phát biểu trong cuộc họp và biểu quyết theo ý kiến chỉ đạo của Hội đồng thành viên EVN. Trường hợp nhiều người cùng là đại diện của EVN tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của công ty có cổ phần, vốn góp của EVN thì Hội đồng thành viên EVN chỉ định người phụ trách để chủ trì tổ chức bàn bạc, thống nhất ý kiến và xin ý kiến của Hội đồng thành viên EVN trước khi biểu quyết.

6. Người đại diện phải có trách nhiệm hướng doanh nghiệp đó đi đúng mục tiêu, định hướng của EVN; sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết để quyết định việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh lại doanh nghiệp khác. Khi phát hiện doanh nghiệp đi chệch mục tiêu, định hướng của EVN phải báo cáo ngay Hội đồng thành viên EVN và đề xuất giải pháp để khắc phục. Sau khi được Hội đồng thành viên EVN thông qua cần tổ chức thực hiện ngay để nhanh chóng hướng doanh nghiệp đi đúng mục tiêu, định hướng đã xác định.

7. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ doanh nghiệp và Hội đồng thành viên EVN giao.

8. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên EVN về các nhiệm vụ được giao. Trường hợp thiếu trách nhiệm, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho EVN thì phải chịu trách nhiệm và bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật.

**Điều 53. Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện**

1. Tiền lương, phụ cấp, thưởng và quyền lợi của người đại diện phần vốn góp của EVN ở doanh nghiệp khác do EVN chi trả hoặc doanh nghiệp đó chi trả theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ trong doanh nghiệp.

2. Người đại diện phần vốn EVN tại doanh nghiệp khác là thành viên chuyên trách trong ban quản lý, điều hành hoặc là người lao động doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do EVN chi trả theo quy định. Nguồn phụ cấp người đại diện được lấy từ lợi nhuận được chia từ vốn của EVN góp vào doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện là thành viên kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì tiền lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác theo quy định do EVN chi trả. Ngoài ra còn được hưởng tiền phụ cấp người đại diện do EVN chi trả theo quy định.

Trường hợp người đại diện được các doanh nghiệp khác trả thù lao thì người đại diện có trách nhiệm nộp các khoản thù lao trên cho EVN.

4. Người đại diện phần vốn EVN tại doanh nghiệp khác khi được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho EVN. EVN quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của EVN.

Trường hợp người đại diện được cử làm đại diện EVN tại nhiều đơn vị, thì được ưu tiên lựa chọn thực hiện quyền mua tại 01 đơn vị. Người đại diện phần vốn EVN tại công ty cổ phần có trách nhiệm chuyển phần quyền mua cổ phần còn lại cho EVN.

Trường hợp người đại diện phần vốn EVN tại doanh nghiệp khác không báo cáo về việc được quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi tại công ty cổ phần thì bị xem xét miễn nhiệm tư cách đại diện phần vốn EVN tại doanh nghiệp khác và phải chuyển nhượng lại cho EVN số cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi chênh lệch vượt quá mức được mua theo quy định trên theo giá được mua tại thời điểm phát hành. Trường hợp người đại diện phần vốn EVN tại doanh nghiệp khác đã bán cổ phiếu này thì phải nộp lại cho EVN phần chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu theo giá thị trường tại thời điểm bán với giá mua và chi phí (nếu có).

## Chương VII
## CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CỦA EVN

### Điều 54. Vốn, tài sản và các quỹ

1. Vốn của EVN bao gồm vốn do Nhà nước đầu tư tại EVN, vốn do EVN tự huy động và các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

2. Vốn nhà nước đầu tư tại EVN bao gồm: vốn ngân sách nhà nước cấp và vốn tự bổ sung từ lợi nhuận sau thuế.

3. Giá trị quyền sử dụng đất được tính vào vốn của EVN theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Vốn điều lệ của EVN là số vốn mà Nhà nước đầu tư hoặc chuyển giao và ghi trong Điều lệ EVN, bao gồm: vốn tại EVN, đơn vị trực thuộc, vốn EVN đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

5. EVN là đơn vị trực tiếp nhận vốn ngân sách nhà nước đầu tư vào các dự án điện lực do EVN làm chủ đầu tư. EVN được quyền đầu tư, điều chỉnh vốn đầu tư

vào công ty con, công ty liên kết căn cứ vào nhu cầu và hiệu quả kinh doanh theo quy định của pháp luật.

6. Các quỹ của EVN bao gồm: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, các quỹ quy định tại Khoản 12 Điều 16 của Điều lệ này và các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 55. Điều chỉnh vốn điều lệ**

1. Trong quá trình hoạt động, vốn điều lệ có thể tăng lên từ các nguồn sau:

a) Lợi nhuận sau thuế;

b) Vốn do chủ sở hữu đầu tư bổ sung;

c) Vốn do chủ sở hữu giao.

2. Việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ EVN do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Khi tăng vốn điều lệ, EVN phải tiến hành điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán, công bố vốn điều lệ và thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ trong Điều lệ này.

4. Đối với vốn chủ sở hữu đã cam kết bổ sung cho EVN thì chủ sở hữu có trách nhiệm đầu tư đủ vốn theo đúng thời hạn đã cam kết. Trường hợp sau hai năm chủ sở hữu không đầu tư đủ số vốn đã cam kết thì chủ sở hữu phải điều chỉnh quy mô sản xuất, kinh doanh của EVN phù hợp với số vốn chủ sở hữu giao cho EVN.

**Điều 56. Điều chỉnh vốn góp của EVN tại các công ty con, công ty liên kết**

1. Đối với các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ: EVN được rút vốn đã đầu tư vào các công ty con trong trường hợp tổ chức lại các công ty con hoặc thông qua hình thức chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần vốn cho các tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với các công ty bị chi phối, công ty liên kết:

a) EVN có quyền rút vốn đã đầu tư thông qua phương thức bán lại số vốn đã đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật;

b) EVN có quyền bổ sung vốn đầu tư, hoặc quyết định giảm vốn đầu tư vào công ty bị chi phối, công ty liên kết theo quy định của pháp luật.

**Điều 57. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận**

Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành và phân phối lợi nhuận của EVN được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính của EVN và quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 58. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán và thống kê**

1. Năm tài chính của EVN bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. EVN xây dựng và ban hành hệ thống phần mềm tiêu chuẩn về kế toán, kiểm toán và tiêu chuẩn cung cấp thông tin kế toán để áp dụng thống nhất trong các công ty con.

3. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc EVN trình Hội đồng thành viên EVN phê duyệt kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính năm sau của EVN để báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổng Giám đốc EVN phải trình Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và chịu trách nhiệm về số liệu báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ phải lập và trình EVN báo cáo tài chính và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, tính pháp lý của số liệu báo cáo tài chính trình EVN.

6. Hội đồng thành viên EVN thông qua báo cáo tài chính hàng năm của EVN, các đơn vị trực thuộc của EVN; thông qua báo cáo tài chính hợp nhất của EVN và các công ty con; thông qua báo cáo tài chính của các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ, trên cơ sở những tài liệu, số liệu đã được cơ quan kiểm toán độc lập thực hiện.

7. EVN thực hiện công khai tài chính theo quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của pháp luật.

8. Hội đồng thành viên EVN thực hiện báo cáo chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

## Chương VIII
## TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN EVN

### Điều 59. Tổ chức lại EVN

Các hình thức tổ chức lại EVN bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

1. Việc tổ chức lại EVN do Thủ tướng Chính phủ quyết định khi thấy cần thiết hoặc theo đề nghị Hội đồng thành viên EVN và thực hiện theo trình tự, thủ tục của pháp luật.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp cụ thể tổ chức lại EVN theo quy định của pháp luật.

### Điều 60. Chuyển đổi sở hữu của EVN

1. EVN phải chuyển đổi sở hữu trong trường hợp Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Kế hoạch, trình tự, thủ tục chuyển đổi EVN thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức chuyển đổi.

### Điều 61. Giải thể EVN

1. EVN bị giải thể trong trường hợp sau:

a) Kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn.

b) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

c) Việc tiếp tục duy trì EVN là không cần thiết.

2. Trình tự và thủ tục giải thể EVN thực hiện theo quy định của pháp luật. Số tài sản của EVN bị giải thể sau khi đã thanh toán các khoản phải trả theo quy định của pháp luật thuộc sở hữu nhà nước.

**Điều 62. Phá sản EVN**

Trong trường hợp EVN không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản.

## Chương IX
## CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN

**Điều 63. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ EVN**

1. Định kỳ hàng quý, năm, EVN có trách nhiệm gửi Bộ Tài chính và các cơ quan nhà nước có liên quan các báo cáo theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất, các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan đại diện chủ sở hữu có thẩm quyền có quyền yêu cầu (bằng văn bản) EVN cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền quản lý nhà nước và quyền của chủ sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Ngoài việc yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ, viên chức quản lý của EVN cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên.

4. Tổng giám đốc EVN là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của EVN theo quy định của EVN và của pháp luật.

5. Người lao động trong EVN có quyền tìm hiểu thông tin về EVN thông qua Đại hội công nhân, viên chức và Ban thanh tra nhân dân của EVN.

**Điều 64. Công khai thông tin**

1. Tổng Giám đốc EVN là người quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin của EVN ra bên ngoài. Các đơn vị trực thuộc, các Ban và bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của EVN chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quy định của EVN.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi các thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Hội đồng thành viên EVN và Tổng Giám đốc EVN chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

## Chương X
## GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CỦA EVN

**Điều 65. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của EVN được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận, thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

**Điều 66. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của EVN**

1. Hội đồng thành viên EVN có quyền kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận phương án sửa đổi, bổ sung Điều lệ của EVN.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của EVN.

## Chương XI
## ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 67. Hiệu lực và phạm vi thi hành**

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của EVN. Tất cả các cá nhân, các đơn vị trực thuộc EVN, các công ty con do EVN nắm giữ 100% vốn điều lệ có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định phê duyệt có hiệu lực và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 163/2007/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đơn vị trực thuộc EVN, các công ty con của EVN căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Điều lệ hoặc Quy chế tổ chức và hoạt động của mình trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Điều lệ hoặc Quy chế của đơn vị trực thuộc, công ty con không được trái với Điều lệ này.

4. Trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Sinh Hùng**

**Phụ lục I**

**CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

*(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

## I. ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC

1. Công ty Thủy điện Hòa Bình.
2. Công ty Thủy điện Ialy.
3. Công ty Thủy điện Trị An.
4. Công ty Thủy điện Quảng Trị.
5. Công ty Thủy điện Tuyên Quang.
6. Công ty Thủy điện Đại Ninh.
7. Công ty Thủy điện Buôn Kuốp.
8. Công ty Phát triển Thủy điện Sê San.
9. Công ty Mua bán điện.
10. Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia.
11. Trung tâm Thông tin điện lực.
12. Ban Quản lý dự án Thủy điện 1.
13. Ban Quản lý dự án Thủy điện 2.
14. Ban Quản lý dự án Thủy điện 3.
15. Ban Quản lý dự án Thủy điện 4.
16. Ban Quản lý dự án Thủy điện 5.
17. Ban Quản lý dự án Thủy điện 6.
18. Ban Quản lý dự án Thủy điện 7.
19. Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La.
20. Ban Quản lý dự án Thủy điện Trung Sơn.
21. Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 2.
22. Ban Quản lý dự án Thủy điện Sông Bung 4.
23. Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1.
24. Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 2.
25. Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 3.

26. Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân.

27. Ban Quản lý dự án xây dựng dân dụng.

28. Ban Chuẩn bị đầu tư dự án điện hạt nhân và Năng lượng tái tạo.

**II. ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP**

1. Trường Đại học Điện lực.

2. Trường Cao đẳng Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường Cao đẳng Điện lực miền Trung.

4. Trường Cao đẳng Nghề điện.

**Phụ lục II**

**CÁC CÔNG TY CON**

*(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

**I. CÁC CÔNG TY CON DO EVN NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

**A. KHỐI PHÁT ĐIỆN**

1. Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhiệt điện Cần Thơ.
2. Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhiệt điện Phú Mỹ.
3. Công ty TNHH nhà nước một thành viên Nhiệt điện Thủ Đức.
4. Công ty TNHH một thành viên Nhiệt điện Uông Bí.
5. Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

**B. KHỐI PHÂN PHỐI ĐIỆN (các công ty TNHH một thành viên)**

1. Tổng công ty Điện lực miền Bắc.
2. Tổng công ty Điện lực miền Trung.
3. Tổng công ty Điện lực miền Nam.
4. Tổng công ty Điện lực thành phố Hà Nội.
5. Tổng công ty Điện lực thành phố Hồ Chí Minh.

**C. KHỐI TRUYỀN TẢI ĐIỆN (công ty TNHH một thành viên)**

Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia.

**D. KHỐI VIỄN THÔNG, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Công ty Thông tin Viễn thông Điện lực.

**II. CÁC CÔNG TY DO EVN NẮM GIỮ TRÊN 50% VỐN ĐIỀU LỆ HOẶC QUYỀN CHI PHỐI KHÁC**

**A. KHỐI PHÁT ĐIỆN**

1. Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ.
2. Công ty cổ phần Thủy điện A Vương.
3. Công ty cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ.
4. Công ty cổ phần Thủy điện Bản Vẽ.
5. Công ty cổ phần Thủy điện Thu Bồn.
6. Công ty cổ phần Thủy điện An Khê - Ka Nak.
7. Công ty cổ phần Thủy điện Sê San 4.
8. Công ty cổ phần Thủy điện Srêpôk.

9. Công ty cổ phần Thủy điện Đồng Nai.
10. Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại.
11. Công ty cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình.
12. Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa.
13. Công ty cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng.
14. Công ty cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.
15. Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà.
16. Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh.
17. Công ty cổ phần EVN Quốc tế.

**B. KHỐI CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC**

1. Công ty cổ phần Cơ điện miền Trung.
2. Công ty cổ phần Cơ điện Thủ Đức.
3. Công ty cổ phần Cơ khí Điện lực.
4. Công ty cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh.

**C. KHỐI TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN**

1. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 1.
2. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2.
3. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
4. Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4.

**D. KHỐI ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ BẤT ĐỘNG SẢN**

Công ty Tài chính cổ phần Điện lực.

**Phụ lục III**

**CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

*(Ban hành kèm theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Điện lực Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 857/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Công ty cổ phần Thủy điện miền Trung.
2. Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
3. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A.
4. Công ty cổ phần Năng lượng Vĩnh Tân 3.
5. Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
6. Công ty cổ phần Điện Việt - Lào.
7. Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình.
8. Công ty cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu.
9. Công ty cổ phần Chứng khoán An Bình.
10. Công ty cổ phần Dịch vụ sửa chữa nhiệt điện miền Bắc.
11. Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực Sài Gòn Vina.
12. Công ty cổ phần Bất động sản EVN - Land Nha Trang.
13. Công ty cổ phần Bất động sản Điện lực miền Trung.
14. Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện lực Việt Nam.
15. Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình./.

**VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**
Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 - 080.44597
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng